

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2024/HS-ST

Ngày: 16/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Ba – Cán bộ hưu trí.

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Giáo viên Trường Trung học phổ thông Long Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng–Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 98/2024/TLST–HS, ngày 22 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2024/QĐXXST–HS ngày 17 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST–HS ngày 30/7/2024 đối với:

Bị cáo: **Lý Tiên D** (tên gọi khác: **B**), sinh ngày 03/6/2007 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: **Tổ A, khu V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai**; Nghề nghiệp: Phụ sửa xe; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ và bà **Lý Châu V**, sinh năm 1977 (chết); Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại **thị trấn L, huyện L**. Đến tháng 11/2023, bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 16/8/2024, bị truy nã theo quyết định số 1792/QĐTN–CQĐT–HS của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện L**.

Bị cáo vắng mặt.

– Người đại diện hợp pháp của bị cáo **Lý Tiên D**: Ông **Lê Phi H**, sinh năm 1989 – Bí Thư **Đoàn Thanh niên thị trấn L** (có mặt).

Địa chỉ: **Đường L, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai**.

– Người bào chữa chỉ định cho bị cáo **Lý Tiên D**: Bà **Nguyễn Thị Hoài T** – Trợ giúp viên pháp lý **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ** (có mặt).

– Bị hại: Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Khu Tái định cư L - B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai**.

– Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đỗ Thị Mỹ S**, sinh năm 1965 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **Tổ A, Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Tiến D là nhân viên học nghề sửa xe tại tiệm sửa xe “**Hồng Sơn**” thuộc **khu C, thị trấn L** do bà **Đỗ Thị Mỹ S** làm chủ. Khoảng 15 giờ ngày 08/7/2023, bà **Nguyễn Thị H1** đến **tiệm S1**” để xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 60Y8 – 1697 tại tiệm của bà **S** để sửa chữa. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, lợi dụng lúc không có ai ở cửa tiệm nên **D** nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô nêu trên bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, **D** sử dụng chìa khóa xe (do chị **H1** gửi tại tiệm) nổ máy điều khiển xe đến **xã T** gặp bạn là **Lê Thanh H2**, **H2** rủ **D** đến **huyện T, tỉnh Trà Vinh** chơi, **D** đồng ý. Đến ngày 30/7/2023, khi **D** điều khiển xe mô tô trộm cắp được chở **H2** đi chơi ở **thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh** thì bị **Công an thị trấn T** tạm giữ xe do vi phạm luật giao thông đường bộ.

Sau khi bị tạm giữ xe, **D** đón xe khách về lại **thị trấn L** chơi. Đến ngày 04/7/2023, **D** đang chơi ở tiệm Internet “**Bi**” thuộc **khu V, thị trấn L, huyện L** thì bà **S** phát hiện và yêu cầu **D** đến **Công an thị trấn L** đầu thú. Cùng ngày, **D** đến **Công an thị trấn L** đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình như nêu trên. **Công an thị trấn L** hồ sơ chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện L** điều tra, xử lý theo thẩm quyền (bút lục số 22 – 23, 24 – 25, 26 – 28, 32 – 34, 36 – 37).

Tại kết luận định giá tài sản số 350/KL–HĐĐGTS ngày 08/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự **huyện L** kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng nâu, biển số 60Y8–1697 (đã qua sử dụng) trị giá 5.100.000 đồng (bút lục số 18).

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng nâu, biển số 60Y8–1697 đã thu hồi trả lại bà **Đỗ Thị Mỹ S**.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà **Đỗ Thị Mỹ S** đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại bà **Nguyễn Thị H1**, bà **H1** không yêu cầu bồi thường thêm nên không xét.

Bà **Đỗ Thị Mỹ S** không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại nên không xét.

Trước Cơ quan điều tra **Công an huyện L**, bị cáo **Lý Tiến D** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 82/CT–VKS–LT ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo **Lý Tiến D** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:**

Sau khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo **Lý Tiến D** đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện L** đã có Quyết định truy nã nhưng không có kết quả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố bị cáo **Lý Tiến D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo **D**: Từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bà **Đỗ Thị Mỹ S** đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại bà **Nguyễn Thị H1**, bà **H1** không yêu cầu bồi thường thêm nên không xét; Bà **Đỗ Thị Mỹ S** không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại nên không xét.

*** Ý kiến của người bào chữa chỉ định cho bị cáo:**

Thông nhất quan điểm luận tội của Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có ý kiến như sau:

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo (bút lục số 22 – 28).

Bị cáo có nhân thân tốt, khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi. Ở độ tuổi này, bị cáo chưa được phát triển đầy đủ về mọi mặt tâm sinh lý, khả năng nhận thức, sự hiểu biết về đời sống xã hội, năng lực pháp luật và năng lực hành vi còn nhiều hạn chế, suy nghĩ còn rất nông cạn. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt, thiếu tình thương của cha và thiếu sự quan tâm chăm sóc của người mẹ do mẹ bị cáo mất sớm nên bản thân bị cáo không có được tình yêu thương chăm sóc của gia đình và tự kiếm sống nuôi bản thân mình;

Về trách nhiệm dân sự: Bà **Đỗ Thị Mỹ S** đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại bà **Nguyễn Thị H1**, bà **H1** không yêu cầu bồi thường thêm; Bà **Đỗ Thị Mỹ S** không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại.

Từ những phân tích trên, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án treo để giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở lại làm công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật trong việc xử lý người phạm tội chưa thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Do bị cáo muốn chiếm đoạt xe mô tô biển số 60Y8–1697 của bà Nguyễn Thị H1 đem đến tiệm sửa xe “Hong Sơn” để sửa, bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo lợi dụng không có ai ở cửa tiệm, bị cáo trộm cắp xe mô tô trên. Tài sản bị cáo trộm cắp có trị giá 5.100.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo.

Sau khi được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, trong quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bị cáo không chấp hành triệu tập của Tòa án, bỏ trốn khỏi địa phương, gây khó khăn trong công tác xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định truy nã đối với bị cáo, nhưng chưa có kết quả. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xét xử vắng mặt bị cáo D tại phiên tòa, bị cáo D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

– Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra, khi phạm tội và khi xét xử, bị cáo dưới 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi lượng hình đối với bị cáo.

– Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65; Điều 91 Bộ luật Hình năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án treo là không có cơ sở, không phù hợp quy định pháp luật nên không chấp nhận. Các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự, người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo khi lượng hình là có cơ sở, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Bà **Đỗ Thị Mỹ S** đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại bà **Nguyễn Thị H1**, bà **H1** không yêu cầu bồi thường thêm nên không xét.

Bà **Đỗ Thị Mỹ S** không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại nên không xét.

[4] Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng nâu, biển số 60Y8-1697 đã thu hồi trả lại bà **Đỗ Thị Mỹ S**.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 327, 331, 333, điểm a khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Lý Tiến D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Lý tiến D1**: 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Lý Tiến D** nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Theo luật định, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa chỉ định cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo; ĐDHPBC; NBCBC; **Thẩm phán – Chủ tọa phiên**

- Bị hại;

- NCQL, NVLQ;

- VKSND tỉnh Đồng Nai;

- VKSND huyện Long Thành;

- Công an huyện Long Thành;

- Chi cục THADS huyện Long Thành;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Thùy Trang